

Ngày 28/06/2024	11,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.7%	-4.8%	-11.9%

Q2/24		
ROE	6.8%	+/- YoY ▲ 1.4%

Q2/24		
DT thuần	9,490	QoQ ▲ 3,331 ▲ 54.1%
tỷ VNĐ		YoY ▲ 2,693 ▲ 39.6%

6T 2024		
DT thuần	15,650	YoY ▲ 3,143 ▲ 25.1%
tỷ VNĐ		

Q2/24		
LN gộp	906	QoQ ▲ 121 ▲ 15.4%
tỷ VNĐ		YoY ▲ 40.0 ▲ 4.6%

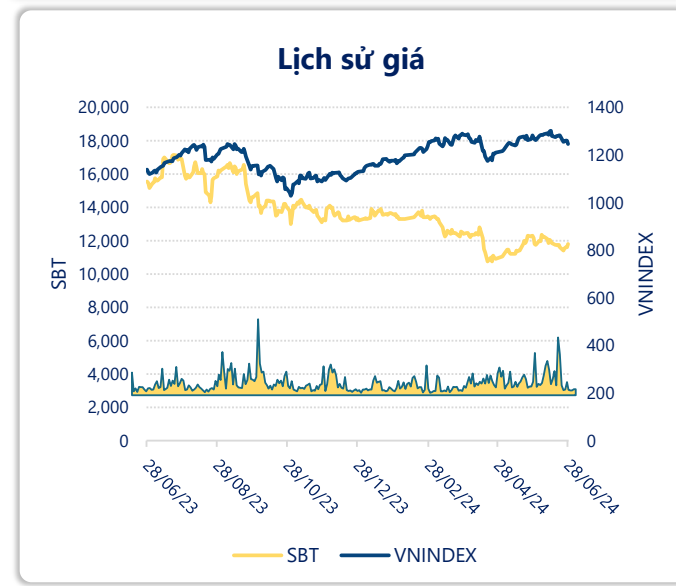
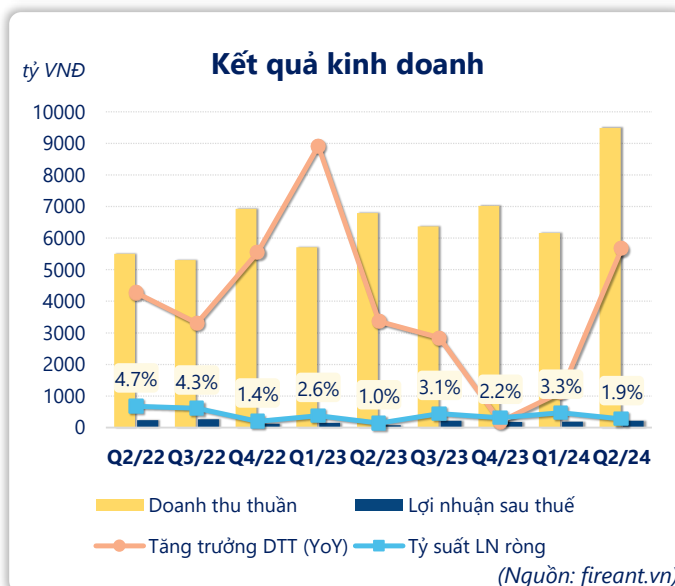
6T 2024		
LN gộp	1,692	YoY ▲ 167 ▲ 10.9%
tỷ VNĐ		

Q2/24		
LN thuần	225	QoQ ▲ 37.0 ▲ 19.8%
tỷ VNĐ		YoY ▲ 65.0 ▲ 40.7%

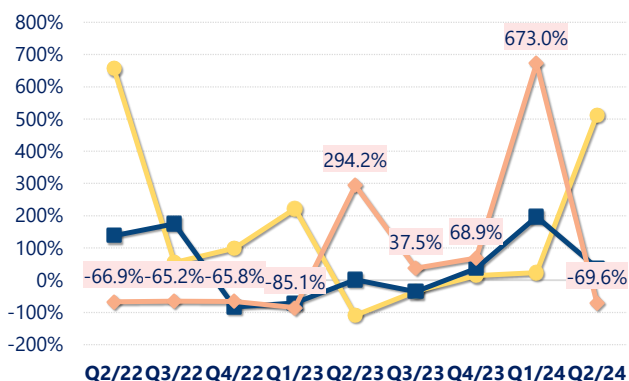
6T 2024		
LN thuần	413	YoY ▲ 122 ▲ 41.9%
tỷ VNĐ		

Q2/24		
LN sau thuế	214	QoQ ▲ 26.0 ▲ 13.7%
tỷ VNĐ		YoY ▲ 143 ▲ 199%

6T 2024		
LN sau thuế	401	YoY ▲ 177 ▲ 78.9%
tỷ VNĐ		



Tăng trưởng lợi nhuận

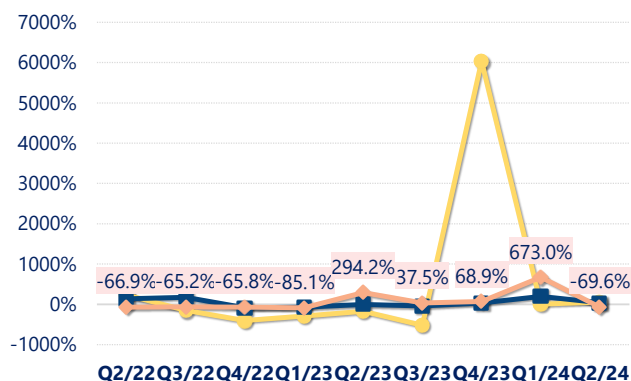


Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

— Tăng trưởng LN thuần (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

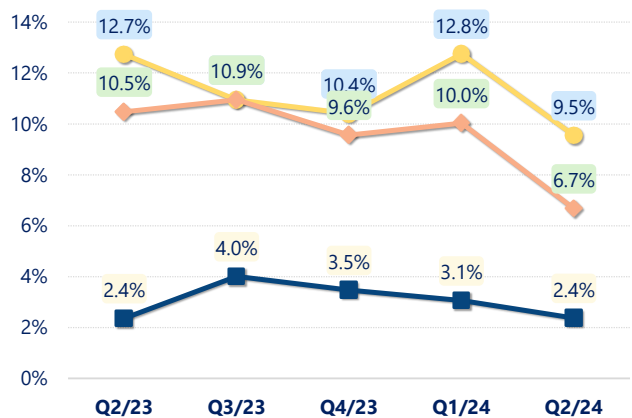


Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

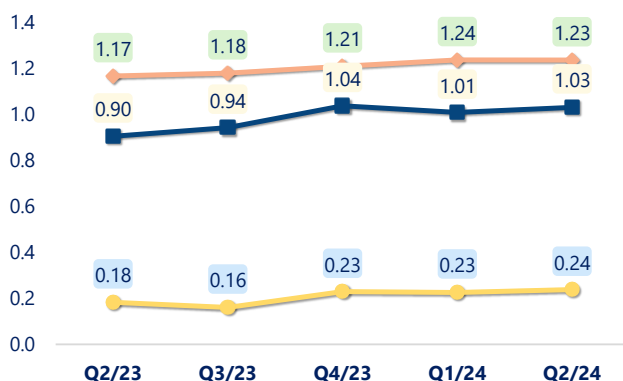


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

— Tỷ suất LN gộp
 — Tỷ suất LN thuần
 — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

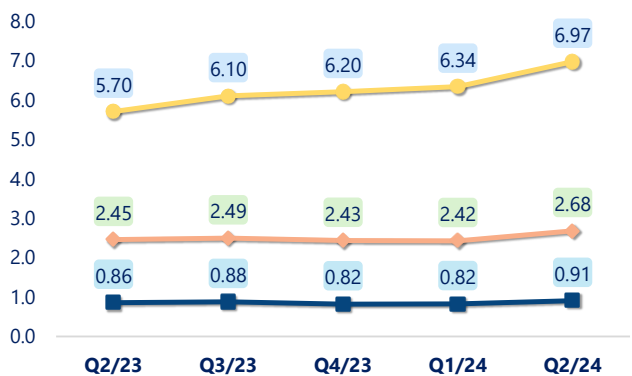


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

— Tỷ số thanh toán tiền mặt
 — Tỷ số thanh toán nhanh
 — Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

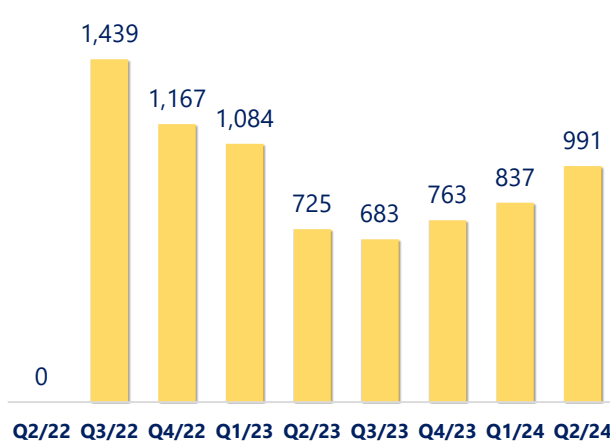


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

— Vòng quay TSCĐ
 — Vòng quay Tổng TS
 — Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	9,490	6,797	39.6%	15,650	12,507	25.1%
Giá vốn hàng bán	8,584	5,931	44.7%	13,958	10,982	27.1%
Lợi nhuận gộp	906	866	4.6%	1,692	1,525	10.9%
Doanh thu HĐTC	280	242	15.5%	580	547	6.1%
Chi phí TC	517	575	-10.1%	1,016	1,077	-5.7%
Chi phí lãi vay	410	578	-29.1%	826	937	-11.8%
LN trong công ty LKLD	-5.76	-13.5	57.4%	-16.4	-24.7	33.6%
Chi phí bán hàng	164	165	-0.4%	370	320	15.5%
Chi phí QLDN	274	194	41.1%	456	358	27.3%
LN thuần từ HĐKD	225	160	40.7%	413	291	41.9%
Lợi nhuận khác	-1.56	-26.5	94.1%	11.2	-5.03	323%
LN trước thuế	224	134	66.9%	425	286	48.3%
Lợi nhuận sau thuế	214	71.5	199%	401	224	78.9%
LNST của CĐ cty mẹ	180	66.7	170%	385	216	78.0%

(Nguồn: fireant.vn)

